

18

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh)
(22812602)

Ngày thi: 03/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A506

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Trần Quang Thát
T.T. Diem
N. N. N.
Trần Thị Kim Chi

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122180072	Nguyễn Quốc Anh	29/11/2003	CCQ2218C	544	<i>Anh</i>	7.1	5.6	6.2	
2	2122180122	Bùi Hữu Bình	29/04/2000	CCQ2218C	543	<i>Bình</i>	7.4	4.6	5.7	
3	2122180096	Trần Quốc Cường	23/05/2004	CCQ2218C	542	<i>Cường</i>	7.8	7.2	7.4	
4	2122180100	Lê Trung Đức	25/07/2004	CCQ2218C	541	<i>Đức</i>	6.9	7.4	7.2	
5	2122180116	Trần Đức Dũng	09/09/2003	CCQ2218D	544	<i>Dũng</i>	8.8	8.0	8.3	
6	2122180126	Trần Trung Hải	11/04/2004	CCQ2218D	543	<i>Hải</i>	5.6	6.8	6.3	
7	2122180119	Trương Minh Hòa	23/11/2004	CCQ2218D	542	<i>Hòa</i>	9.0	8.6	8.8	
8	2122180103	Huỳnh Hữu Hân	09/01/2004	CCQ2218D	541	<i>Hân</i>	8.8	7.4	8.0	
9	2122180094	Phan Tư Khoa	05/06/2004	CCQ2218C	544	<i>Khoa</i>	6.5	6.0	6.2	
10	2122180069	Võ Đăng Khoa	17/04/2004	CCQ2218C	543	<i>Khoa</i>	4.0	7.6	6.2	
11	2122180082	Văn Thành Long	10/12/2004	CCQ2218C	542	<i>Long</i>	6.9	5.6	6.1	
12	2122180086	Trương Bá Luân	15/02/2004	CCQ2218C	541	<i>Luân</i>	6.6	5.4	5.9	
13	2122180085	Lê Xuân Lực	04/07/2004	CCQ2218C	544	<i>Lực</i>	7.4	6.6	6.9	
14	2122180083	Nguyễn Văn Minh	21/05/2004	CCQ2218C	543	<i>Minh</i>	6.6	6.4	6.5	
15	2122180081	Hồ Đỗ Trung Nguyên	05/07/2004	CCQ2218C	542	<i>Nguyên</i>	5.9	8.0	7.2	
16	2122180123	Huỳnh Minh Phát	06/05/2004	CCQ2218D	541	<i>Phát</i>	7.6	6.6	7.0	
17	2122180127	Lê Quốc Phước	09/08/2004	CCQ2218D	544	<i>Phước</i>	8.8	7.6	8.1	
18	2122180071	Đoàn Anh Quân	08/10/2004	CCQ2218C	543	<i>Quân</i>	5.5	6.4	6.0	
19	2122180079	Đặng Lưu Sữ	22/02/2001	CCQ2218C	542	<i>Sữ</i>	7.5	6.8	7.1	
20	2122180102	Nguyễn Đình Tài	15/02/2004	CCQ2218D	541	<i>Tài</i>	9.1	8.2	8.6	
21	2122180075	Trần Văn Tâm	30/05/2004	CCQ2218C	544	<i>Tâm</i>	8.0	6.8	7.3	
22	2122180131	Bùi Lê Hường Thiện	31/01/2004	CCQ2218D	543	<i>Thiện</i>	9.1	6.6	7.6	
23	2122180089	Nguyễn Văn Thịnh	26/05/2004	CCQ2218C	542	<i>Thịnh</i>	6.9	6.6	6.7	
24	2122180098	Bùi Nguyễn Đình Thống	22/10/2004	CCQ2218C			0.0			
25	2122180088	Lưu Văn Thư	07/11/2004	CCQ2218C	544	<i>Thư</i>	7.4	7.4	7.4	
26	2121180034	Nguyễn Quang Thương	07/03/2003	CCQ2118A	543	<i>Thương</i>	7.3	7.2	7.2	
27	2122180091	Trương Quốc Tiếng	08/10/2004	CCQ2218C	542	<i>Tiếng</i>	7.8	8.0	7.9	
28	2122180124	Nguyễn Thái Toàn	09/02/2004	CCQ2218D	541	<i>Toàn</i>	6.0	6.2	6.1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh)
(22812602)

Ngày thi: 03/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A506

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Trưởng Thư
Kính Chữ

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122180114	Lê Minh	Tri	19/08/2004	CCQ2218D	544		6.4	7.2	6.9	
30	2122180125	Phạm Minh	Trường	23/11/2000	CCQ2218D	543		7.8	6.0	6.7	
31	2122180113	Tăng Văn	Trường	29/10/2004	CCQ2218D	542		5.6	7.4	6.7	
32	2122180092	Phan Thái	Tú	20/06/2004	CCQ2218C	541		7.8	4.2	5.6	
33	2122180101	Lê Hoàng	Tuấn	20/09/2004	CCQ2218D			0.0			
34	2122180077	Thập Văn Anh	Vũ	02/04/2004	CCQ2218C	543		4.0	6.6	5.6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh)
(22812603)

Ngày thi: 03/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A506

Số SV có mặt: 09

Số bài thi: 09

Số tờ giấy thi: 09

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122180120	Nguyễn Đình Cường	16/03/2004	CCQ2218LA	544		6.5	4.6	5.4	
2	2122180108	Nguyễn Tiến Đạt	16/12/2003	CCQ2218LA			0.0			
3	2122180107	Nguyễn Anh Gun	26/07/2003	CCQ2218LA	541	Gun	6.8	5.4	6.0	
4	2122180087	Nguyễn Vũ Hà	08/02/2004	CCQ2218LA	541		5.4	5.4	5.4	
5	2122180112	Nguyễn Hữu Hội	16/10/2003	CCQ2218LA	542	Hoi	7.3	5.4	6.2	
6	2122180121	Nguyễn Đình Lai	14/02/2004	CCQ2218LA	541	Lai	9.2	5.6	7.0	
7	2122180105	Hồng Tuấn Lộc	01/05/2004	CCQ2218LA	543		6.4	5.4	5.8	
8	2122180050	Vũ Bắc Trung Nam	03/05/2004	CCQ2218LA	542		6.7	4.2	5.2	
9	2122180109	Đinh Huy Phước	10/03/2003	CCQ2218LA	544		7.6	6.0	6.6	
10	2122180104	Nguyễn Ngọc Tư	27/11/2003	CCQ2218LA	544		6.2	5.2	5.6	